

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÒA THÀNH
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2019/DS-ST

Ngày: 10/5/2019

*V/v “Tranh chấp về hợp
đồng vay tài sản”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒA THÀNH, TỈNH TÂY NINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Thành Diệp.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. ông **Đỗ Thành Ngọc**
2. Bà **Lê Ngọc Trâm**

- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Lưu Sử Ngọc Quân** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòa Thành.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Thành:** Ông **Phạm Phú Thái** – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòa Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 578/2018/TLST-DS ngày 04 tháng 12 năm 2018, về việc “Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2018/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 3 năm 2018, Quyết định hoãn phiên tòa số: 08/QĐXXST-DS, ngày 16/4/2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **N.T.L**, sinh năm 1964 (có mặt);

Trú tại địa chỉ: Số 17, ấp L.H, xã T.T, huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

Bị đơn: Anh **L.Q.T**, sinh năm 1972 (vắng mặt);

Chị **N.T.C**, sinh năm 1975 (vắng mặt);

Cùng trú tại địa chỉ: Số 103/12, tổ 5, ấp T.A, xã T.T, huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 29 tháng 11 năm 2018 và các lời khai tại phiên sơ thẩm nguyên đơn – bà N.T.L trình bày:

Ngày 25/6/2018 (AL) bà L có cho vợ chồng anh L.Q.T và chị N.T.C vay số tiền 165.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 2%/tháng, hạn 02 tháng sẽ trả tiền gốc, anh T và chị C cùng ký tên trong giấy nhận nợ. Từ khi vay cho đến nay vợ

chồng anh T và chị Cúc trả cho bà L được 40.000.000 đồng tiền vốn và 5.000.000 đồng tiền lãi thì ngưng không trả. Bà L nhiều lần đến nhà anh T và chị Cúc đòi nhưng anh T và chị Cúc không trả. Nay bà L yêu cầu anh T và chị Cúc cùng có nghĩa vụ trả số tiền 125.000.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật. Số tiền lãi 2%/tháng mà bà đã nhận của anh T và chị Cúc, bà đồng ý tính lãi lại theo quy định của pháp luật.

- **Bị đơn** – anh L.Q.T và chị N.T.C vắng mặt.

Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòa Thành:

Về tố tụng:

Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi vào nghị án Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa chấp hành đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự. Về người tham tố tụng bà L có mặt, anh T và chị Cúc vắng mặt.

Về nội dung:

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện “Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản” của bà N.T.L đối với anh L.Q.T và chị N.T.C.

Buộc anh L.Q.T và chị N.T.C cùng có nghĩa vụ trả cho bà N.T.L số tiền gốc và lãi suất theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào ý kiến trình bày của đương sự tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh L.Q.T và chị N.T.C đã được Tòa án triệu tập họp L nhưng anh T và chị Cúc vắng mặt, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T và chị Cúc theo quy định Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Về thẩm quyền thụ lý vụ án: Anh L.Q.T và chị N.T.C có nơi cư trú tại: Số 103/12, tổ 5, ấp T.A, xã T.T, huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh, nên Tòa án nhân dân huyện Hòa Thành thụ lý vụ án đúng theo quy định tại Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ tranh chấp: Ngày 25/6/2018 anh L.Q.T và chị N.T.C có vay của bà N.T.L số tiền 165.000.000 đồng, trả được 40.000.000 đồng thì ngưng không trả. Nay bà L yêu cầu anh T và chị Cúc cùng có nghĩa vụ trả số tiền 125.0000.0000 đồng. Tòa án nhân dân huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh xác định vụ án “Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản” theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật Dân sự 2015.

[4] Về nội dung:

Ngày 25/6/2018 bà L có cho vợ chồng anh L.Q.T và chị N.T.C vay số tiền 165.000.000 đồng, vợ chồng anh T có ký giấy nhận nợ, hạn 02 tháng sẽ trả tiền gốc, lãi suất thỏa thuận 2%/tháng, anh T và chị Cúc có trả được 40.000.000 đồng tiền gốc và 5.000.000 đồng tiền lãi thì ngưng không trả. Nay bà L yêu cầu anh T cùng với chị Cúc có nghĩa vụ trả số tiền 125.000.000 đồng và tính lãi suất theo quy

định của pháp luật từ ngày 25/6/2018, bà L đồng ý trừ vào số tiền 5.000.000 đồng mà bà đã nhận.

[5] Xét yêu cầu khởi kiện của bà L thấy rằng: Ngày 25/6/2018 anh T và chị Cúc có vay của bà L số tiền 165.000.000 đồng có ký giấy nhận nợ, bà L trình bày khi vay hai bên thỏa thuận lãi suất 2%/tháng, hạn 02 tháng sẽ trả vốn, anh T chị Cúc vay về kinh doanh mua bán xe tải, anh T và chị Cúc có trả cho bà L được 40.000.000 đồng tiền gốc và 5.000.000 đồng tiền lãi thì ngưng. Anh T và chị Cúc đã được Tòa án tổng đạt các thủ tục hợp L để làm bản tự khai và hòa giải nhưng anh T chị Cúc không có mặt là từ bỏ quyền lợi của mình. Từ lời trình bày và giấy nợ của bà L cung cấp, có cơ sở xác định ngày 25/6/2018, anh T và chị Cúc có vay của bà L số tiền 165.000.000 đồng đã trả được 40.000.000 đồng tiền gốc và 5.000.000 đồng tiền lãi thì ngưng không trả. Nay bà L yêu cầu anh T và chị Cúc cùng có nghĩa vụ trả số tiền gốc là 125.000.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật. Xét nghĩa vụ trả nợ thấy rằng anh T và chị Cúc đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho bà L. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu của bà L. Buộc anh T và chị Cúc cùng có nghĩa vụ trả cho bà L tiền vốn gốc và lãi suất được tính cụ thể như sau:

Từ ngày 25/6/2018 (AL) nhằm ngày 06/8/2018 (DL) đến ngày 10/5/2019 là 09 tháng 04 ngày $\times 125.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\% = 9.475.000 \text{ đồng}$.

Tổng cộng tiền gốc và lãi suất là 134.475.000 đồng – 5.000.000 đồng (bà L đã nhận của anh T và chị Cúc) = 129.475.000 đồng.

[3] Về án phí: Anh L.Q.T và chị N.T.C phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 463, 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, L phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện “Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản” của bà N.T.L đối với anh L.Q.T và chị N.T.C.

Buộc anh T và chị Cúc cùng có nghĩa vụ trả cho bà N.T.L số tiền 129.475.000 đồng (Một trăm hai mươi chín triệu, bốn trăm bảy mươi lăm ngàn đồng), trong đó tiền vốn gốc là 125.000.000 đồng và 4.475.000 đồng tiền lãi suất.

Kể từ khi bà N.T.L có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh L.Q.T và chị N.T.C không chịu trả số tiền nêu trên, thì hàng tháng anh T và chị Cúc còn phải trả cho bà L số tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Anh L.Q.T và chị N.T.C phải chịu 6.473.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho bà N.T.L 3.125.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0012663, ngày 04/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh.

Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho bà L biết được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh T và chị Cúc được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án, hoặc bản án được niêm yết tại địa phương nơi cư trú./.

\

Nội nhần:

- TAND tãnh Tây Ninh;
- VKSND H. Hòa Thành;
- THADS H. Hòa Thành;
- Lầu : Tãp àn;
- Cãc ãõng sõi;
- Lầu hoà sũ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

VÕ THÀNH DIỆP